

Bản án số: **104/2024/DSST**

Ngày: **11/09/2024**

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tự Hiếu

Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Anh Dũng và bà Bùi Thị Mai

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên - Cán bộ

Toà án nhân dân huyện Thanh Trì

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hồng Nhung- Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 09 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, TP Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 75/2024/TLST- DS ngày 21/06/2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2024/QĐXX- ST ngày 16/08/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2024/QĐ- HPT ngày 30/08/2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (S1)**

Địa chỉ: Số A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Duy V, ông Đặng Duy S, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ theo Văn bản ủy quyền số 49/2024/UQ-SeAbank ngày 09/04/2024 của bà Đặng Thị H- Giám đốc S1 Chi nhánh C trên cơ sở Văn bản ủy quyền 3127/2024/UQ-SeAbank ngày 15/03/2024 của ông Vũ Đình K- Phó Tổng giám đốc S1 và Văn bản ủy quyền 180/2024/UQ-SeAbank ngày 06/03/2024 của ông Lê Văn T- Chủ tịch Hội đồng quản trị S1 là người đại diện theo pháp luật)

(Ông V và ông S đều có mặt)

*** Bị đơn: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1981**

Trú tại: Thôn Y, xã L, huyện T, TP .

(Bà N có mặt tại phiên tòa)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Hoàng Thị N1, sinh năm 1976

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, Hà Nội

(Bà N1 vắng mặt tại phiên

tòa)

- Anh Vũ Hoàng A, sinh năm 1990

Trú tại: Khu A thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định

(Anh Hoàng A vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NHẬN THẤY

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ trình bày:**

- Ngày 02/12/2021, Ngân hàng và bà Hoàng Thị N có ký Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng. Hạn mức là 40.000.000 đồng, lãi suất 34%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà N có thực hiện rút tiền và thanh toán. Sau đó do không có khả năng thanh toán nên bà N đã không thanh toán được cho Ngân hàng. Ngày 17/07/2023, Ngân hàng đã chấm dứt việc sử dụng thẻ và ngày 15/09/2023, ngân hàng đã chuyển nợ sang quá hạn.

Ngân hàng xác định bà N còn nợ các khoản tạm tính đến ngày 15/08/2024, gồm: Nợ gốc: 40.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 23.354.111 đồng. Cộng: **63.354.111 đồng**

- Ngày 21/12/2021, Ngân hàng TMCP Đ và bà Hoàng Thị N ký kết Hợp đồng cho vay kèm Hợp đồng thế chấp ô tô số REF 2135100380/HNC-HTN ngày 21/12/2021 với nội dung: Ngân hàng cho bà N vay số tiền 800.000.000 đồng, mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua ô tô; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày 21/12/2021 đến ngày 21/12/2028. Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân 8,19%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sẽ cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn trên, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý khi có sự thay đổi của lãi suất cơ sở do S1 ban hành từng thời kỳ. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 21/12/2022, điều chỉnh sau đó vào ngày làm việc đầu tiên của quý liền kề tiếp theo. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng (=) Lãi suất cơ sở S1 đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh

cộng với (+) biên độ 3,69%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả lãi bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả

S1 đã giải ngân cho bà N số tiền là: 800.000.000 đồng theo Ủy nhiệm chi ngày 21/12/2021.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số loại CR-V E, số khung: RLHRW1830MY000162 số máy: L15BG2339806, BKS: 30H-374.52, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29174925 do Phòng C1 – Công an thành phố H cấp ngày 21/12/2021. Chi tiết về việc thế chấp tại Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp ô tô số REF2135100380/HNC-HTN ngày 21/12/2021. Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, bà N mới thanh toán được cho S1 244.040.310 đồng, trong đó nợ gốc là 150.259.162 đồng; nợ lãi là 93.781.148 đồng. Sau đó Ngân hàng đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà N không thanh toán nên đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn kể từ ngày 21/04/2023.

Ngân hàng xác định bà N còn nợ các khoản theo Hợp đồng tín dụng ngày 21/12/2021, tạm tính đến ngày 15/08/2024 gồm:

Nợ gốc: 649.740.838 đồng; Nợ lãi trong hạn: 120.461.209 đồng; Nợ lãi quá hạn và phạt chậm trả lãi: 30.411.533 đồng. Cộng: **800.613.580 đồng**

Tổng cộng bà N còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng ngày 02/12/2021 và Hợp đồng cho vay kèm Hợp đồng thế chấp ngày 21/12/2021 với tổng số tiền là **863.967.691 đồng**

Đến nay Ngân hàng yêu cầu bà N thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên, trường hợp bà N không thanh toán được, Ngân hàng đề nghị Cơ quan thi hành án cho xử lý tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số loại CR-V E, BKS: 30H-374.52 đứng tên bà Hoàng Thị N để thu hồi nợ

Đề nghị tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi bà N thanh toán toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ hoặc tài sản đảm bảo không xác minh, không kê biên được để thi hành thì bà Hoàng Thị N vẫn phải có trách nhiệm trả hết khoản vay cho Ngân hàng. Ngân hàng được quyền cơ quan thi hành án tiến hành xử lý tài sản và các nguồn thu khác của bà Hoàng Thị N để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng.

* **Bị đơn là bà Hoàng Thị N trình bày:** Tôi nhất trí với ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng trình bày về toàn bộ quá trình ký kết và thực hiện

Hợp đồng tín dụng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng ngày 02/12/2021 và Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp ngày 21/12/2021.

Tôi xác định còn nợ Ngân hàng các khoản tạm tính đến ngày 15/08/2024, các khoản gồm:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng ngày 02/12/2021, gồm:

Nợ gốc: 40.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 23.354.111 đồng. Cộng: **63.354.111 đồng**

- Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp ngày 21/12/2021.

Nợ gốc: 649.740.838 đồng; Nợ lãi trong hạn: 120.461.209 đồng; Nợ lãi quá hạn và phạt chậm trả lãi: 30.411.533 đồng. Cộng: **800.613.580 đồng**

Tổng cộng là **863.967.691 đồng**

Đến nay Ngân hàng yêu cầu tôi thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên, trường hợp tôi không thanh toán được, Ngân hàng đề nghị Cơ quan thi hành án cho xử lý tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số loại CR-V E, BKS: 30H-374.52 đứng tên tôi thì tôi đồng ý.

Ngân hàng đề nghị tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi tôi thanh toán toàn bộ số nợ, tôi đồng ý

Thực tế từ khi ký kết Hợp đồng tín dụng, tôi không sử dụng chiếc xe ô tô này mà bà Hoàng Thị N1, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, Hà Nội sử dụng. Bà N1 nhờ tôi đứng tên hộ. Tôi không đóng góp tiền bạc gì. Tôi được biết hiện bà N1 đã tự ý cầm cố chiếc xe trên cho anh Vũ Hoàng A có số điện thoại 0975121990, trú tại: Khu A Thị trấn C, H, Nam Định từ khoảng tháng 11/2023. Khi cầm cố bà N1 không nói cho tôi biết. Đến tháng 2/2024, khi Ngân hàng gọi điện thông báo khoản nợ thì tôi mới được biết bà N1 đã cầm cố.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị N1 trình bày:**

Tôi là người nhờ bà N ký kết Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp ô tô số REF 2135100380/HNC-HTN ngày 21/12/2021 với Ngân hàng TMCP Đ để vay trả tiền mua 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA CR-V E, BKS: 30H-374.52. Trước khi vay tiền mua xe ô tô, tôi có 250.000.000 đồng và tôi là người chuyển 250.000.000 đồng cho Công ty TNHH M bằng tiền mặt và chuyển khoản. Sau khi được giao xe tôi đã nhờ bà N đứng tên và tôi là người sử dụng xe đó. Đến khoảng tháng 6/2023, do con tôi bị tai nạn nên tôi có nhờ em rể tôi là Vũ Quốc H1, sinh năm 1981, địa chỉ: H, H, Nam Định cầm cố chiếc xe trên cho anh Vũ Hoàng A, trú tại: Khu A Thị trấn C, H, Nam Định số tiền 180.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 10/2023, tôi có liên hệ với anh Hoàng A để lấy lại xe nhưng anh Hoàng A không đồng ý với lý do anh H1 đã

vay thêm 120.000.000 đồng. Sau đó tôi có chuẩn bị 300.000.000 đồng để lấy lại xe nhưng anh Hoàng A vẫn không đồng ý trả và nói đây là tiền của mẹ anh Hoàng A. Khi tôi liên hệ với mẹ anh Hoàng A là bà H2 thì mẹ anh Hoàng A nói làm việc với chị H3 (chị gái anh Hoàng A), chị H3 nói để nói chuyện với bà H2 nhưng sau đó bà H2 không đồng ý trả số tiền 300.000.000 đồng và không đồng ý trả xe. Hiện nay anh Hoàng A vẫn đang quản lý chiếc xe trên. Khoảng cách đây hơn chục ngày tôi đã liên lạc với anh Hoàng A để lấy lại xe nhưng không liên lạc được với anh Hoàng A.

Tôi không đồng ý trả anh Hoàng A số tiền 300.000.000 đồng. Tôi chỉ đồng ý trả số tiền 220.000.000 đồng gồm 180.000.000 đồng tiền gốc và 40.000.000 đồng tiền lãi.

Đến nay, Ngân hàng yêu cầu bà N thanh toán toàn bộ số tiền nợ, trường hợp bà N không thanh toán được, Ngân hàng đề nghị Cơ quan thi hành án cho xử lý tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số loại CR-V E, BKS: 30H-374.52 thì tôi không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tôi xác định là người đóng tiền lãi hàng tháng cho Ngân hàng hoặc nhờ người nhà, bạn bè chuyển tiền đóng hộ

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Hoàng A trình bày:**

Tôi và bà Hoàng Thị N1 không có quan hệ gì với nhau. Tôi chưa bao giờ gặp mặt bà N1 chỉ có nói chuyện điện thoại với nhau qua zalo. Tôi chỉ có quan hệ anh em với anh Vũ Quốc H1, sinh năm 1981, địa chỉ: H, H, Nam Định là em rể chị N1. Tôi và anh H1 thường xuyên đi mua ô tô cũ để bán lại.

Khoảng tháng 6/2023, anh H1 có đến gặp tôi để cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số loại CR-V E, BKS: 30H-374.52 để vay số tiền 180.000.000 đồng mục đích là để bà Hoàng Thị N1 đưa cho chị Vũ Thị N2 là em gái họ anh H1 thanh toán tiền mua hàng. Khi vay hai bên không viết giấy tờ gì, không lãi suất, không thời hạn trả. Anh H1 có đưa cho tôi 01 Giấy đăng kiểm, bản sao Đăng ký xe và bảo hiểm trách nhiệm dân sự. Sau đó khoảng cuối tháng 6/2023, anh H1 vay tiếp của tôi số tiền 120.000.000 đồng. Khi vay anh H1 có nói với tôi là vay tiền để tiếp tục thanh toán tiền mua hàng cho chị N2. Khi vay hai bên không viết giấy tờ gì, không lãi suất, không thời hạn trả. Lần vay này tôi đưa trực tiếp cho anh H1 còn bà N1 có biết hay không thì tôi không rõ. Theo quan điểm của tôi đối với số tiền vay 120.000.000 đồng có liên quan đến chiếc xe ô tô mà anh H1 đã cầm cố cho tôi. Tôi cũng chỉ từng cho anh H1 vay mấy chục triệu mà không có tài sản cầm cố chứ chưa bao giờ cho vay số tiền trên một trăm triệu.

Đến nay tôi xác định anh H1 nợ tôi số tiền 300.000.000 đồng. Nếu bà N1 đứng ra trả tôi số tiền 300.000.000 đồng thay cho anh H1 thì tôi đồng ý trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số loại CR-V E, BKS: 30H-374.52 và không yêu cầu phải trả lãi.

Việc bà N1 khai khoảng tháng 10/2023, bà có liên hệ với tôi để trả số tiền 300.000.000 đồng nhưng tôi không đồng ý là không đúng sự thật. Bà N1 có gọi cho tôi là nói trả trước 100.000.000 đồng còn số tiền nợ còn lại khi nào làm ăn được thì sẽ trả nốt nhưng tôi không đồng ý.

Tôi được biết bà N1 có liên lạc với mẹ tôi và chị gái tôi nhưng lời nói thách thức.

Tại phiên tòa:

- Ngân hàng xác định hiện bà N còn nợ theo các Hợp đồng tín dụng các khoản tạm tính đến ngày 09/09/2024, cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng ngày 02/12/2021: Nợ gốc: 40.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: **24.965.583 đồng**. Cộng: **64.965.583 đồng**.

+ Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp ngày 21/12/2021.

Nợ gốc: **649.740.838 đồng**; Nợ lãi trong hạn: **125.418.336 đồng**; Nợ lãi quá hạn: **24.511.120 đồng**; Phạt chậm trả lãi: **9.187.566 đồng**. Cộng: **808.857.860 đồng**;

Tổng cộng là **873.823.443 đồng**

Đề nghị bà N tiếp tục phải trả lãi cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Đề nghị Tòa án buộc bà N phải trả Ngân hàng số tiền nợ trên. Trường hợp bà N không trả hoặc trả không đầy đủ đề nghị cho xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ hoặc tài sản đảm bảo không xác minh, không xử lý được để thi hành án thì bà N vẫn phải có trách nhiệm trả hết khoản vay cho Ngân hàng. Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành xử lý tài sản và các nguồn thu khác của bà N để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng.

- Bị đơn là bà Hoàng Thị N trình bày: Tôi xác định có ký kết 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên, tuy nhiên đây là khoản vay bà Hoàng Thị N1 nhờ tôi đứng tên vay hộ, nhờ tôi đứng tên chiếc xe ô tô. Bản thân tôi không đóng góp một đồng nào để mua ô tô. Sau khi được giao xe bà N1 là người sử dụng xe ô tô và sau đó cầm cố cho anh Vũ Hoàng A. Việc đóng lãi hàng tháng đều do bà N1 thực hiện. Nay Ngân hàng buộc tôi phải trả tổng số nợ **873.823.443 đồng**, nếu tôi không trả hoặc trả không đầy đủ Ngân hàng đề nghị cho xử lý tài sản đảm bảo là chiếc ô tô nhãn hiệu HONDA, số loại CR-V E, BKS: 30H-374.52 để thu hồi nợ. Tôi đồng ý và không có ý kiến gì, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định để giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị N1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do, anh Vũ Hoàng A vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà N1 và anh Hoàng A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì phát biểu ý kiến:

Tòa án thụ lý vụ án theo đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán đã xác định đúng và đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập tài liệu chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 97, Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 211 BLTTDS và Nghị quyết 01/2017 ngày 13/01/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng TMCP Đ đối với bà Hoàng Thị N

2. Buộc bà Hoàng Thị N phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm tính đến ngày 09/09/2024, gồm:

- Nợ thẻ tín dụng: Nợ gốc: **40.000.000 đồng**; Nợ lãi quá hạn: **24.965.583 đồng**.
Cộng: **64.965.583 đồng**

- Nợ Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp: Nợ gốc: **649.740.838 đồng**;
Nợ lãi trong hạn: **125.418.336 đồng**; Nợ lãi quá hạn: **24.511.120 đồng**. Nợ lãi chậm trả: **9.187.566 đồng**. Cộng: **808.857.860 đồng**

Tổng cộng: 873.823.443 đồng

Buộc bà Hoàng Thị N tiếp tục phải trả lãi theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản vay.

Trong trường hợp bà Hoàng Thị N không trả hoặc không trả đầy đủ được toàn bộ khoản vay, Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số loại CR-V E, số khung: RLHRW1830MY000162 số máy: L15BG2339806, BKS: 30H-374.52, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29174925 do Phòng C1 – Công an thành phố H cấp ngày 21/12/2021 đứng tên bà Hoàng Thị N.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản không đủ thanh toán trả nợ cho Ngân hàng thì bà N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng

3. Đối với các giao dịch dân sự giữa bà Hoàng Thị N1, anh Vũ Hoàng A và anh Vũ Quốc H1 không liên quan đến vụ án do đó không xem xét.

4. Bà Hoàng Thị N phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thẩm quyền: Ngày 09/04/2024, Ngân hàng TMCP Đ có đơn khởi kiện bà Hoàng Thị N có địa chỉ tại: Thôn Y, xã L, huyện T, TP . về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì đã thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về tố tụng:

- Tại Bản tự khai ngày 01/07/2024, bà Hoàng Thị N khai: Thực tế từ khi ký kết Hợp đồng tín dụng, tôi không sử dụng chiếc xe ô tô này mà bà Hoàng Thị N1, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, Hà Nội sử dụng. Bà Nét N1 nhờ tôi đứng tên hộ. Tôi không đóng góp tiền bạc gì. Tôi được biết hiện bà N1 đã tự ý cầm cố chiếc xe trên cho anh Hoàng A có số điện thoại 0975121990, trú tại: Khu A Thị trấn C, H, Nam Định từ khoảng tháng 11/2023. Khi cầm cố bà N1 không nói cho tôi biết. Đến tháng 2/2024, khi Ngân hàng gọi điện thông báo khoản nợ thì tôi mới được biết bà N1 đã cầm cố. Do đó Tòa án đưa bà Hoàng Thị N1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Tại Bản bản lấy lời khai ngày 05/07/2024, bà Hoàng Thị N1 khai: Khi bà N ký kết Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp ô tô số REF 2135100380/HNC-HTN ngày 21/12/2021 với Ngân hàng TMCP Đ, tôi có biết. Thực chất tôi nhờ bà N đứng tên là người vay tiền để vay Ngân hàng trả tiền mua chiếc xe ô tô 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số loại CR-V E, BKS: 30H-374.52.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên tôi là người hàng tháng trả lãi cho Ngân hàng bằng hình thức chuyển vào tài khoản của bà N tại Ngân hàng TMCP Đ, sau đó Ngân hàng tự động thu tiền.

Đến khoảng tháng 6/2023, tôi có nhờ em rể tôi là Vũ Quốc H1, sinh năm 1981, địa chỉ: H, H, Nam Định cầm cố chiếc xe trên cho anh Hoàng A, trú tại: Khu A Thị trấn C, H, Nam Định số tiền 180.000.000 đồng. Đến thời khoảng tháng 10/2023, tôi có liên hệ với anh Hoàng A để lấy lại xe nhưng anh Hoàng A không đồng ý với lý do anh H1 đã vay thêm 120.000.000 đồng. Sau đó tôi có chuẩn bị 300.000.000 đồng để lấy lại xe nhưng anh Hoàng A không đồng ý. Do đó Tòa án đưa anh Vũ Hoàng A vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Tại Bản bản lấy lời khai ngày 30/07/2024, anh Vũ Quốc H1 khai: Tôi là em rể bà Hoàng Thị N1, còn tôi và anh Vũ Hoàng A có quan hệ xã hội

Khoảng tháng 6/2023, bà N1 có nhờ tôi đánh xe về để cầm cố cho anh Vũ Hoàng A, khi đánh xe về tôi có điện thoại cho bà N1 nói chuyện với Hoàng A để hai bên thỏa thuận cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số loại CR-V E, BKS: 30H-374.52 để bà N1 vay của Hoàng A số tiền 180.000.000 đồng, mục đích là gì thì tôi không biết. Tôi đã nhận số tiền 180.000.000 đồng và chuyển khoản cho bà N1. Khi vay hai bên không viết giấy tờ gì, lãi suất miệng 2.000 đồng/1 triệu/1 ngày, không thời hạn trả. Tôi có đưa cho anh Hoàng A 01 Giấy đăng kiểm, bản sao Đăng ký xe và bảo hiểm trách nhiệm dân sự. Sau đó khoảng cuối tháng 6/2023, tôi vay tiếp của anh Hoàng A số tiền 120.000.000 đồng. Khi vay tôi có nói với anh Hoàng A là vay tiền để tiếp tục thanh toán tiền mua hàng cho chị Vũ Thị N2 là em họ tôi. Khi vay hai bên không viết giấy tờ gì, lãi suất miệng 2.000 đồng/1 triệu/1 ngày, không thời hạn trả. Sau khi vay tôi trả cho anh Hoàng A khoảng 1.000.000 đồng tiền lãi sau đó tôi không có khả năng trả nên chưa trả được một đồng nào tiền gốc và lãi.

Tôi xác định khoản tiền 120.000.000 đồng là khoản vay riêng của tôi, không liên quan đến bà N1 và chiếc xe ô tô mà bà N1 đã cầm cố.

Đến nay tôi xác định còn nợ anh Hoàng A số tiền 120.000.000 đồng. Hiện nay tôi không có khả năng trả tiền nên tôi sẽ trả dần anh Hoàng A mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Tôi xác định không liên quan đến vụ án nên đề nghị Tòa án không đưa tôi vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó Tòa án không đưa anh Vũ Quốc H1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

3. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ1

*** Về nợ gốc và lãi:**

- Đối với thẻ tín dụng: Ngày 02/12/2021, Ngân hàng TMCP Đ1 và bà Hoàng Thị N có ký Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kèm Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng. Hạn mức là 40.000.000 đồng, lãi suất 34%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Xét thấy các văn bản tín dụng trên đều được các bên ký kết tự nguyện, những người tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đúng thẩm quyền, nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội, hình thức của hợp đồng, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và các văn bản tín dụng khác phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà N có thực hiện rút số tiền 40.000.000 đồng. Sau đó do không có khả năng thanh toán nên bà N đã không thanh toán được cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã chấm dứt hạn mức thẻ tín dụng theo Điều 19 của Quy định sản phẩm thẻ dành cho khách hàng cá nhân từ ngày 17/07/2023. Do đó Ngân hàng xác định bà N còn nợ số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với khoản tiền lãi: Ngân hàng xác định do chị N không có khả năng thanh toán nợ nên đến ngày 17/7/2023, Ngân hàng đã chấm dứt hạn mức thẻ và ngày 15/09/2023 đã chuyển nợ quá hạn, do đó bà N phải thanh toán số tiền lãi quá hạn là 24.965.583 đồng như đại diện Ngân hàng giải trình là có căn cứ

Như vậy số tiền bà N còn nợ Ngân hàng các khoản tạm tính đến ngày 09/09/2024, gồm: Nợ gốc: 40.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 24.965.583 đồng. Cộng: **64.965.583 đồng**

- Đối với Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp ô tô số REF 2135100380/HNC-HTN ngày 21/12/2021

Căn cứ Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng ngày 02/12/2021, Ngân hàng TMCP Đ1 và bà Hoàng Thị N có ký kết Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp ô tô số REF 2135100380/HNC-HTN ngày 21/12/2021. Theo đó Ngân hàng đồng ý cho bà N vay số tiền 800.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán tiền mua ô tô.

Ngân hàng đã giải ngân số tiền **800.000.000 đồng** (Tám trăm đồng) bà N theo theo Ủy nhiệm chi ngày 21/12/2021.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, bà N mới thanh toán được cho S1 244.040.310 đồng, trong đó nợ gốc là 150.259.162 đồng; nợ lãi là 93.781.148 đồng. Sau đó bà N đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết với Ngân hàng, vi phạm các nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nên khoản vay trên đã bị chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 21/04/2023.

Như vậy bà N còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là **649.740.838 đồng**. Số tiền nợ gốc này bà N phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho Ngân hàng.

Về số tiền lãi: Tại mục 4 Điều 2 của Hợp đồng cho vay quy định về lãi suất cho vay, phí và cơ chế điều chỉnh lãi suất như sau: Lãi suất tại thời điểm giải ngân 8,19%/năm. thời hạn cho vay: 84 tháng kể từ ngày 21/12/2021, từ ngày 21/12/2021 đến ngày 21/12/2028. Lãi suất cho vay trong hạn sẽ cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn trên, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý khi có sự thay đổi của lãi suất cơ sở do S1 ban hành từng thời kỳ. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 21/12/2022, điều chỉnh sau đó vào ngày làm việc đầu tiên của quý liền kề tiếp theo. Mức điều

chỉnh lãi suất được xác định bằng (=) Lãi suất cơ sở S1 đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng với (+) biên độ 3,69%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản nợ gốc của bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết số nợ gốc quá hạn. Lãi suất chậm trả lãi bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của bên vay bị quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn.

Xét việc thỏa thuận lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi của các bên quy định trong Hợp đồng cho vay là không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Ngân hàng xác định tổng số tiền lãi tạm tính đến ngày 09/9/2024 là **159.117.022 đồng**, bà N phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng theo đơn giải trình và bảng sao kê kèm theo là có căn cứ, cụ thể như sau: Nợ lãi trong hạn: **125.418.336 đồng**; Nợ lãi quá hạn: **24.511.120 đồng**; Phạt chậm trả lãi: **9.187.566 đồng**.

Như vậy, cả gốc và lãi theo 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên bà N phải trả cho Ngân hàng là **873.823.443 đồng**. Số tiền gốc sẽ tiếp tục được tính lãi theo lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng khi án có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án.

*** Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của Ngân hàng nhận thấy:**

Tại Điều 3 của Hợp đồng cho vay thỏa thuận về tài sản đảm bảo tiền vay 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số loại CR-V E, số khung: RLHRW1830MY000162 số máy: L15BG2339806, BKS: 30H-374.52, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29174925 do Phòng C1 – Công an thành phố H cấp ngày 21/12/2021 đứng tên bà Hoàng Thị N. Theo đó bà N đồng ý thế chấp chiếc xe ô tô trên và dùng toàn bộ giá trị tài sản này để đảm bảo thực hiện toàn bộ nghĩa vụ cho khoản vay gồm: Lãi vay, lãi quá hạn, lãi chậm trả, các khoản phạt chậm trả, phạt vi phạm, chi phí xử lý tài sản và các khoản phải trả khác. Hiện chiếc xe trên anh Vũ Hoàng A đang quản lý và sử dụng

Việc thế chấp đã được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội ngày 21/12/2021

Như vậy, Hợp đồng cho vay kèm Hợp đồng thế chấp ô tô này là hợp pháp nên có hiệu lực thi hành đối với các bên. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ về việc xử lý tài sản thế chấp nếu bị đơn là bà Hoàng Thị N không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ.

Từ những nhận định trên đủ cơ sở để xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Đối với các giao dịch dân sự giữa bà Hoàng Thị N1, anh Vũ Hoàng A và anh Vũ Quốc H1 không liên quan đến vụ án do đó không xem xét.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Về án phí: Bà Hoàng Thị N phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm d khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 90; 91; 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng TMCP Đ đối với chị Hoàng Thị N

2. Buộc bà Hoàng Thị N phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm tính đến ngày 09/09/2024, các khoản gồm:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng ngày 02/12/2021: Nợ gốc: **40.000.000 đồng**; Nợ lãi quá hạn: **24.965.583 đồng**. Cộng: **64.965.583 đồng**

- Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp ô tô số REF 2135100380/HNC-HTN ngày 21/12/2021: Nợ gốc: **649.740.838 đồng**; Nợ lãi trong hạn: **125.418.336 đồng**; Nợ lãi quá hạn: **24.511.120 đồng**; Phạt chậm trả lãi: **9.187.566 đồng**. Cộng: **808.857.860 đồng**

Tổng cộng là **873.823.443 đồng**. (T1 trăm bảy mươi ba triệu tám trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng).

3. Bà Hoàng Thị N tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 10/09/2024 đối với khoản nợ cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa

thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng và Hợp đồng cho vay kèm Hợp đồng thế chấp.

4. Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu chị Hoàng Thị N không trả hoặc trả không đầy đủ các khoản nợ trên, Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số loại CR-V E, số khung: RLHRW1830MY000162 số máy: L15BG2339806, BKS: 30H-374.52, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29174925 do Phòng C1 – Công an thành phố H cấp ngày 21/12/2021 đứng tên bà Hoàng Thị N. Hiện chiếc xe trên anh Vũ Hoàng A, sinh năm 1990, địa chỉ: Khu A thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định đang quản lý và sử dụng.

5. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Hoàng Thị N. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ hoặc tài sản đảm bảo không xác minh, không kê biên được để thi hành thì bà Hoàng Thị N vẫn phải có trách nhiệm trả hết khoản vay cho Ngân hàng. Ngân hàng được quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản và các nguồn thu khác của bà Hoàng Thị N để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đối với các giao dịch dân sự giữa bà Hoàng Thị N1, anh Vũ Hoàng A và anh Vũ Quốc H1 không liên quan đến vụ án do đó không xem xét.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

7. **Về án phí:** Bà Hoàng Thị N phải chịu **38.214.700 đồng** (Ba mươi tám triệu hai trăm mười bốn nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền **25.130.000 đồng** (Hai mươi lăm triệu một trăm ba mươi nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007281 ngày 21/06/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKS, Chi cục THADS huyện Thanh Trì
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Tự Hiếu